

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



10 - 55	BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TẠI CHỖ HỢP NHẤT
9	BẢO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
8	BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
6 - 7	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
4 - 5	BẢO CÁO SOÁT XÉT
2 - 3	BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRANG

MỤC LỤC

BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên Chức vụ Ngày bỏ nhiệm Ngày miễn nhiệm

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Quốc Khanh	Chủ tịch	7/4/2021	
Ông Trần Công Quý	Thành viên	7/4/2021	
Ông Lý Chí Tùng	Thành viên	7/4/2021	
Ông Phùng Đạt Đức	Thành viên	7/4/2021	
Ông Nguyễn Việt Tân	Thành viên	7/4/2021	
Ông Phạm Thanh Tuấn	Thành viên	7/4/2021	
Ông Lê Việt Nam	Thành viên	7/4/2021	

Ủy ban kiểm toán

Ông Lý Chí Tùng	Chủ tịch	7/4/2021	
Ông Trần Công Quý	Thành viên	7/4/2021	
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Sơn Nam	Tổng Giám đốc	27/01/2021	
Ông Lê Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Trần Công Quý	Phó Tổng Giám đốc	18/6/2020	7/4/2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phần ảnh hưởng và hợp lý tính hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoạn và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ảnh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tính hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO CỦA BAN TÔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TÔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phân ảnh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN SƠN NAM - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2021

BẢO CAO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: QUÝ CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư, được lập ngày 15 tháng 11 năm 2021, từ trang 6 đến trang 55 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kể từ ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoài trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.6, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty chưa tiến hành trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu qua hạn, khó đòi với số tiền 6.488.029.336 VND. Nếu Công ty tiến hành trích lập đầy đủ các khoản dự phòng này, thì chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 sẽ tăng lên số tiền là 6.488.029.336 VND, và lợi nhuận sau thuế sẽ giảm tương ứng.

Kết luận ngoài trư

Căn cứ trên kết quả xét của Chúng tôi, ngoài trư các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoài trư", Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ định kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		766.316.454.593	604.718.483.429
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.595.430.981	19.108.102.986
Tiền	111		20.595.430.981	19.108.102.986
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		390.000.000.000	237.787.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	2.015.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(728.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	390.000.000.000	236.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.805.562.665	128.934.733.099
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	287.315.734.411	295.681.215.377
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.892.861.114	22.829.865.319
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	46.798.007.660	45.483.950.540
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6a	(238.201.040.520)	(235.060.298.137)
IV. Hàng tồn kho	140		184.423.135.419	166.606.767.327
Hàng tồn kho	141	V.7	184.423.135.419	166.606.767.327
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.492.325.528	52.281.880.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	61.961.928.403	49.417.511.544
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.748.267.131	2.084.597.779
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	782.129.994	779.770.694
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.869.018.590	45.045.718.227
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.796.211.331	22.216.929.990
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.9	200.000.000	200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	21.796.211.331	22.216.929.990
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6b	(200.000.000)	(200.000.000)
II. Tài sản cố định	220		12.394.553.188	12.528.760.957
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	12.394.553.188	12.528.760.957
Nguyên giá	222		26.551.282.781	26.556.261.149
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.156.729.593)	(14.027.500.192)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.388.100.000	2.173.494.039
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.241.310.000	2.241.310.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(853.210.000)	(67.815.961)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.290.154.071	8.126.533.241
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.848.057.529	4.044.808.254
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	5.321.207.398	3.952.776.567
3. Lợi thế thương mại	269		120.889.144	128.948.420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		812.185.473.183	649.764.201.656

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ
 Số 9-19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ					
I. Nợ ngắn hạn					
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	30.240.794.120	31.567.068.216
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	362.652.571.781	232.451.638.746
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	19.667.512.810	16.718.710.265
4.	Phải trả người lao động	314	V.15	1.971.614.866	4.369.495.178
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	131.399.046.653	142.164.269.082
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	133.539.619.240	126.229.593.024
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	5.246.776.020	13.094.030.591
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	19.802.466.208	22.903.354.743
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	-	280.000.000
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18b	449.484.930	654.484.930
II. Nợ dài hạn					
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	36.118.000	122.782.000
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	2.030.531.874	1.895.721.486
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU					
I. Vốn chủ sở hữu					
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410		105.148.936.681	57.313.053.395
411		411		400.150.690.000	400.150.690.000
412		412		81.289.274.280	81.289.274.280
415		415		(1.012.784.684)	(1.068.884.684)
418		418		22.567.548.876	22.567.548.876
421		421		(405.861.307.963)	(454.761.614.093)
421a		421a		(454.755.086.093)	(569.667.696.212)
421b		421b		48.893.778.131	114.906.082.119
429		429		8.015.516.171	9.136.039.016
430		430		-	-
440		440		812.185.473.183	649.764.201.656

NGUỒN VỐN

Mã số
Thuyết minh

Số cuối kỳ

Số đầu năm

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác

6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi nhuận sau thuế (lộ) chưa phân phối kỳ này

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước (lộ lũy kế)

5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

4. Quỹ đầu tư phát triển

3. Cổ phiếu quỹ

2. Thành dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

I. Vốn chủ sở hữu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2021



NGUYEN SON NAM
 Tổng Giám đốc

PHẠM THANH TUẤN
 Kế toán trưởng

PHAN TUẤN VŨ
 Người lập biểu

BẢO CẢO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MÃU B 02a-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		175.274.162.870	215.569.900.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		44.700.000	41.659.090
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	175.229.462.870	215.528.241.894
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86.114.769.313	118.232.113.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.3	89.114.693.557	97.296.128.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.940.970.941	4.752.714.410
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.137.103.503	6.900.243.301
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		801.621.986	6.898.403.457
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.483.398.246	18.505.985.513
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	17.540.708.178	66.286.717.891
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.894.454.572	10.355.895.705
12. Thu nhập khác	31		682.750.586	54.428.154
13. Chi phí khác	32		486.096.860	31.573.700
14. Lợi nhuận khác	40	VI.7	196.653.726	22.854.454
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58.091.108.298	10.378.750.159
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.8	10.361.655.843	1.756.315.492
17. Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(1.368.430.831)	(837.098.268)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.097.883.286	9.459.532.935
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		48.893.778.131	8.079.787.285
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		204.105.155	1.379.745.651
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	1.225	815
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	1.225	815

Mã số
Thuyết minh

Kỳ này

Kỳ trước

CHỈ TIÊU

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2021



Tổng Giám đốc

NGUYỄN SƠN NAM

PHẠM THANH TUẤN

Kế toán trưởng

PHAN TUẤN VŨ

Người lập biểu

BẢO CẢO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 03a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58.091.108.298	10.378.750.159
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.226.854.734	1.398.916.396
- Các khoản dự phòng	03		3.052.946.810	54.112.578.855
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.977.337.060)	(4.578.298.432)
- Chi phí lãi vay	06		801.621.986	6.898.403.457
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thay đổi vốn lưu	08		55.195.194.768	68.210.350.435
Giảm các khoản phải thu	09	VII	21.105.434.390	9.310.573.591
(Tăng) hàng tồn kho	10		(17.816.368.092)	(25.729.448.804)
Tăng các khoản phải trả (không kê thuế thu nhập doanh nghiệp	11	VII	122.366.295.949	74.184.667.050
phải nộp và chi phí lãi vay phải trả)				
Tăng chi phí trả trước	12		(13.326.203.555)	(7.039.102.032)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13		2.015.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(5.935.575.345)	(69.565.790.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.470.868.045)	(1.085.690.762)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(205.000.000)	(51.505.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		153.927.910.069	48.234.054.163
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(1.114.342.182)	(709.019.118)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		45.454.545	27.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(390.000.000.000)	(109.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		236.500.000.000	400.969.334
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	6.577.858.098	3.183.768.528
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(147.991.029.539)	(106.197.008.529)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		110.000.000	50.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		35.702.479.368	30.178.197.510
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(38.890.031.903)	(46.800.283.978)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.372.000.000)	(335.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.449.552.535)	(16.907.086.468)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.487.327.995	(74.870.040.834)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	19.108.102.986	92.123.753.278
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	20.595.430.981	17.253.712.444



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2021

PHẠM THANH TUẤN
Kế toán trưởng

PHAN TUẤN VŨ
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHỖ NHẬT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MÀU B 09a-DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (tên nước ngoài là Construction and Materials Trading Joint Stock Company, tên viết tắt là Công ty C&T) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001488 ngày 4 tháng 3 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 6 năm 2005, chuẩn y các việc sau:

✓ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh, nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ kinh doanh, dịch vụ thương mại, mua bán thiết bị và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (từ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị điện lạnh-điện gia dụng, bếp cầm tay, bao bì PP-PE. Đại lý dịch vụ bảo trì và sửa chữa máy điều hòa không khí. Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở). Khai thác mỏ;

✓ Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 20.000.000.000 VND lên 36.000.000.000 VND;

✓ Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, từ ông Nguyễn Văn Chiến sang bà Đỗ Thị Ngọc Bình.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 10 năm 2006, chuẩn y các việc sau:

✓ Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 36.000.000.000 VND lên 46.000.000.000 VND;

✓ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh, nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ kinh doanh, dịch vụ thương mại, mua bán thiết bị và phụ liệu ngành cơ điện, theo tuyển cố định. Dịch vụ khai thác hải sản, vận tải, vận chuyển hàng hóa, vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không, vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, ô tô. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh nhà ở. Mối giới bất động sản. Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 7 năm 2007, chuẩn y các việc sau:

✓ Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 46.000.000.000 VND lên 80.000.000.000 VND;

✓ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh, nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ kinh doanh, dịch vụ thương mại. Lắp đặt và mua bán đá, sỏi xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ quản cáo thương mại. Lắp đặt và mua bán đá, sỏi xây dựng. Kinh doanh bất

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 11 năm 2007, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Khai thác và mua bán cát xây dựng. Mua bán sắt, thép, phụ liệu (không hoạt động tại trụ sở), đồng, nhôm, hạt nhựa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 3 năm 2008, chuẩn y việc thông tin về địa điểm kinh doanh như sau:

✓ Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu xây dựng Quận 7, địa chỉ tại 237 Nguyễn Thi Thập, Phường Tân Phú, Quận 7, Nghề kinh doanh: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;

✓ Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất, địa chỉ tại 276-278 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Nghề kinh doanh: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 6 năm 2008, chuẩn y việc bỏ sung ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ định giá bất động sản, sản giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đầu tư bất động sản, quản lý bất động sản (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 12 năm 2008, chuẩn y việc bỏ sung ngành, nghề kinh doanh: Môi giới.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 3 năm 2009, chuẩn y việc bỏ sung ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa; sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất bao bì từ plastic (trừ: luyen can cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 8 tháng 02 năm 2010, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80.000.000 VND lên 100.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 3 năm 2011, chuẩn y các việc sau:

✓ Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000 VND lên 100.150.690.000 VND;

✓ Thông tin về Chi nhánh:

+ Chi nhánh - Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư - Trung tâm Kinh doanh Bất động sản, địa chỉ tại 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Trung tâm Phân phối số 1, địa chỉ tại 341 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư, địa chỉ tại 12/66 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư - Kho hàng, địa chỉ tại 20 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

✓ Thông tin về Văn phòng đại diện:

+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tại Miền Trung, địa chỉ tại Lầu 2, 79 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;

+ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tại Hà Nội, địa chỉ tại Phòng 706, Tòa nhà 115 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 6 năm 2012, chuẩn y cho việc bãi bỏ địa điểm kinh doanh: Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu xây dựng Quận 7, địa chỉ tại 237 Nguyễn Thi Thập, Phường Tân Phú, Quận 7.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 6 năm 2013, chuẩn y cho các việc sau:

✓ Thay đổi số điện thoại, số fax và địa chỉ mail của Công ty;

✓ Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, từ bà Đỗ Thị Ngọc Bình sang bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 8 năm 2013, chuẩn y cho việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, từ bà Nguyễn Thị Thanh Hương sang ông Phạm Quốc Khánh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 8 tháng 11 năm 2013, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Bán bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lùa, thóc, gạo, đậu, đỗ, mía và không hoạt động tái trụ số).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 11 năm 2020, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ của công ty từ 100.150.690.000 VND lên 400.150.690.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 7 năm 2008 với mã chứng khoán là CNT.

Cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 theo Quyết định số 161/QĐ-SGDHCM của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM vào ngày 17 tháng 3 năm 2015 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vào ngày 27 tháng 02 năm 2015, cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM vào ngày 17 tháng 3 năm 2015 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

• **Vốn điều lệ**

: 400.150.690.000 VND

Số cổ phiếu

: 40.015.069 cổ phiếu

Mệnh giá

: 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ

: 9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại

: (84-08) 38295488

Fax

: (84-08) 38211096

Mã số thuế

: 0301460120

Email

: cnt@cnt.com.vn và info@cnt.com.vn

Mã chứng khoán

: CNT

Chi nhánh

Tên Chi nhánh

: Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư

Địa chỉ

: 12/66 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, xây lắp, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp. Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Đầu tư kinh doanh nhà, xe máy, thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải, hàng điện tử, gồm sự, sản phẩm nhựa, cao su, nông sản phẩm, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi. (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh). Bỏ sung: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động, máy vi tính và linh kiện, giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị điện lạnh-điện gia dụng, bếp cảm ứng từ, bao bì PP-PE. Đại lý dịch vụ bảo trì chính viên thông. Lắp đặt, sửa chữa máy điều hòa không khí. Chăm sóc gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở). Khai thác mỏ; Kinh doanh lưu hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Dịch vụ khai thác hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao), dụng cụ thể thao, quần áo may mặc, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, túi xách, vali, đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, thiết bị thể thao, thiết bị làm lạnh tủ lạnh, tủ lạnh, ô tô. Mọi giới bất động sản. Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở); khai thác và mua bán đá, sỏi xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ quản cáo thương mại. Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Khai thác và mua bán cát xây dựng. Mua bán sắt, thép, phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), đồng, nhôm, hạt nhựa; Dịch vụ định giá bất động sản, sản giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đầu tư bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý); Mọi giới; Sản xuất bao bì bằng giấy, bia; sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất bao bì từ plastic (trừ: luyện cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở); Bùn bã nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động chuyển môn, khoa học và công nghệ khác (trừ vận về môi trường, tư vấn về công nghệ khác, tư vấn chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty phần ảnh hưởng lợi nhuận 49.097.883.286 VND tăng so với kỳ trước là 39.638.350.351 VND tương đương tỷ lệ tăng là 419%, chủ yếu lợi nhuận đến từ kinh doanh bất động sản với dự án chính là Khu đô thị mới thành phố Hà Tiên. Dự án Khu đô thị mới thành phố Hà Tiên được đầu tư tại Khu đô thị mới ở thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo Quyết định 1020/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 18 tháng 4 năm 2003. Đến nay, dự án đã thực hiện và chuyển nhượng gần 80% diện tích đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Tất cả các công ty con và công ty liên kết được Báo cáo tài chính hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Kinh Doanh Bà Trà	Tổ 5, ấp Rẫy Mới, xã Bình Trị, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư - Thương mại C N T	Số 373 Nguyễn Văn Tò, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Dầu từ Thương mại Sài Gòn TMT	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	51,00%	51,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Số 49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật liệu xây dựng	45,67%	45,67%
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	38E Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng	33,33%	33,33%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc 6 tháng 6 năm 2020 được trình bày lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.4).

8. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty (bao gồm nhân viên của các công ty con) tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 164 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 210 người).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CAO TẠI CHỖ NHẬT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 19 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”), hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TỌM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đã ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thức ngày 30 tháng 6 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhằm đầu tư nhằm lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phần bỏ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, Công nợ và Công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý được ghi nhận là lợi ích kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, Công nợ và Công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

5. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhân đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát nhưng chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và Công nợ của Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán nhất nhất theo gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thực hiện giao dịch với Công ty liên kết, nếu phát sinh lại, Công ty chỉ ghi nhận khoản tài tương ứng phần sở hữu của các bên khác trong Công ty liên kết. Khoản lại chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào Công ty liên kết được phần bỏ dần vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Ngược lại, khi Công ty liên kết thực hiện giao dịch với Công ty, nếu phát sinh lại, Công ty không được ghi nhận phần tài tương ứng với phần sở hữu của Công ty từ giao dịch đó.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và hợp nhất kinh doanh của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo lý thuyết hợp nhất giữa niên độ qua hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành công các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành công các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Danh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về danh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện trong bảng kê đầu tư năm giữ đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

Chương khoản kinh doanh

Chương khoản kinh doanh phân ánh các khoản chứng khoán năm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiểm soát), bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác. Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản đầu tư hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Khoản có tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị đầu tư. Khi có tức được nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Mọi trường hợp hoàn đổi cổ phiếu đầu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân theo từng lần mua).

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là năm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay năm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn đầu theo giá gốc bao gồm giá mua

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Thu nhập từ các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CẢO TẠI CHỖ NHẬT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm mua công cụ vốn chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tồn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dự trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác căn phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

10. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm phải thu về bán vật liệu xây dựng, phải thu thi công công trình xây dựng công trình, phải thu về cung cấp dịch vụ và phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi phải thu lãi tiền cho vay, phải thu các khoản chi hộ, tạm ứng nhân viên, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc không còn sống; khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tang, giám số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tang, giám số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phong tiện vận tải	Thiết bị văn phòng
6 - 10				
3 - 20				
6 - 10				
3 - 10				

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí bán hàng dự án đất Hà Tiên (bao gồm các chi phí môi giới, quảng cáo, ... chi phí khác phát sinh liên quan đến bán đất tại dự án Khu đô thị mới thành phố Hà Tiên), quyền khai thác và chi phí thuê mỏ đá Trà Duốc và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả

trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm tra trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phân ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm phải trả các khoản thu hộ, các khoản nhân kỹ quỹ, kỹ cước, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCD và các khoản phải trả khác.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường được Công ty trích theo Quyết định số 139/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 18 tháng 01 năm 2012 về việc phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác chế biến đá xây dựng mỏ đá núi Trà Đước Lớn tại xã Bình Trị, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

16. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quy.
- Cổ phiếu quy là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quy được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chi sâu của Công ty.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trong yêu cầu của các năm trước.

Phần phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ năm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là từ việc chuyển nhượng bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chi tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch về cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lai tiền gửi, lai cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lai phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lai) trừ khả năng thu hồi tiền lai không chắc chắn.

18. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phân ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi phí thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chi được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

19. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;

- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;

- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quy đất bất động sản) cho các mục đích công cộng...).

20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

21. Chi phí

Chi phí là những khoản lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng đòi chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phân ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh ngoài trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được công vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn lại sản xuất thu nhập hoãn lại chi được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp hoãn lại có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tại sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Lợi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu trên của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.
 Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lại suy giảm trên cổ phiếu.

25. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.
 Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.
 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
 Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	
Tiền mặt	4.062.635.236
Tiền gửi ngân hàng	16.532.795.745
Cộng	20.595.430.981
Số cuối kỳ	
Số đầu năm	
	428.734.731
	18.679.368.255
	19.108.102.986

2. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Tiền gửi có kỳ hạn	Cộng	Tiền gửi có kỳ hạn	Cộng
390.000.000.000	390.000.000.000	236.500.000.000	236.500.000.000
390.000.000.000	390.000.000.000	236.500.000.000	236.500.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày báo hạn phần ảnh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,7 - 5,6%/năm (năm 2020: 4,4 - 6%/năm).

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Giá gốc Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã nhận (lỗ đã ghi nhận)	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam
7.053.100.000	1.000.000.000	8.053.100.000	7.053.100.000	1.000.000.000
(7.053.100.000)	(1.000.000.000)	(8.053.100.000)	(7.053.100.000)	(1.000.000.000)
-	-	-	-	-

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết bị lỗ trong nhiều năm, và đã vượt qua vốn đầu tư do đó Công ty đã dừng ghi nhận.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Số 49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật liệu xây dựng	45,67%	7.053.100.000	45,67%	7.053.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	Số 30 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng	33,33%	1.000.000.000	33,33%	1.000.000.000
Cộng				8.053.100.000		8.053.100.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
			Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phước Hòa			853.210.000	(853.210.000)	-	853.210.000	(67.815.961)	785.394.039
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại Biên Tây			1.388.100.000	-	1.429.289.989	1.388.100.000	-	1.535.936.970
Cộng			2.241.310.000	(853.210.000)	1.429.289.989	2.241.310.000	(67.815.961)	2.321.331.009

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
				Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu (%)
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	Ấp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Khai thác cảng biển, kinh doanh vật liệu xây dựng	2,05%	853.210.000	2,05%	853.210.000	2,05%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biên Tây	49 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật tư xây dựng, khai thác khoáng sản	10,00%	1.388.100.000	10,00%	1.388.100.000	10,00%
Cộng				2.241.310.000		2.241.310.000	

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định theo phương pháp giá trị tài sản thuần căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty đầu tư tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không có đủ thông tin trên thị trường, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
253.952.081.743	262.302.029.352
21.887.822.146	22.016.250.103
11.475.830.522	11.362.935.922
287.315.734.411	295.681.215.377

Phải thu hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng

Phải thu hoạt động cung cấp dịch vụ

Phải thu hoạt động xây dựng

Cộng

Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biên Tây

Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác

Công ty TNHH Xuân Giang (P.NV)

Công ty TNHH TM Trà Mỹ

Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp A Châu

Công ty TNHH Kinh doanh A Việt

Công ty Cổ phần Bé tông Xuân Mai Miền Nam

Công ty TNHH TM DV Xuất nhập khẩu Vũ Thịnh

Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng An Phú Thịnh

Các khách hàng khác

Cộng

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng

Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản

Trả trước cho hoạt động xây dựng

Cộng

5. Phải thu khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
46.798.007.660 (6.054.857.475)	45.483.950.540 (3.624.724.264)
8.047.767.710	8.047.767.710
1.000.000.000	1.000.000.000
31.073.497.674 (3.974.823.135)	31.264.188.640 (2.090.183.699)
20.000.000.000 (*) (i)	20.000.000.000
27.000.000	27.000.000
Kỳ quỹ, kỳ cước ngân	

a) Ngân hàng

Lãi tiền gửi, lãi tiền

cho vay phải thu

Công ty Cổ phần Dầu

tư Xây dựng và Phát

tiền Đô thị Sông Đà

Công ty Cổ phần Xây

dựng và Thương mại

Biển Tây (*)

Tâm ứng nhân viên

Trong đó, tạm ứng cho

thành viên chi chốt

(*) (i)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá trị Dư phòng		Giá trị Dư phòng	
hạn		hạn	
Các khoản phải thu	1.743.134.968 (1.223.657.859)	1.592.643.937 (855.220.589)	-
Dai hạn	21.796.211.331	22.216.929.990	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư Bắc Thăng Long (ii)	12.896.550.000	12.896.550.000	-
Công ty TNHH MTV Bắc Thăng Long - Thành Đông (iii)	3.550.460.000	3.550.460.000	-
Công ty TNHH Bắc Thăng Long - Hoàng Gia	1.500.000.000	1.500.000.000	-
Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	3.849.201.331	4.269.919.990	-
Cộng	68.594.218.991 (6.054.857.475)	67.700.880.530 (3.624.724.264)	-
Phải thu ngân hàng khác	20.000.000.000	20.000.000.000	-
là các bên liên quan (*)	-	-	-

(i) Trong số dư tâm ứng cho thành viên chủ chốt tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm khoản tâm ứng cho ông Trần Công Quý số tiền 20.000.000.000 VND để thay mặt Công ty thực hiện thu mua quỹ đất cho Công ty theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị số 41/UQ-CNT ngày 15 tháng 12 năm 2020.

(ii) Đây là khoản tiền Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại C N T Kiên Giang (công ty con) ký quỹ cho Thỏa thuận hợp tác số 1003/2018/TTHT đầu tư Dự án Khu dân cư Thành Đông tại phường Ba Hàng, thị xã Phò Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại C N T Kiên Giang (công ty con) đã ứng vốn trên khai dự án khu dân cư Thành Đông theo Biên bản họp ngày 14 tháng 7 năm 2018 với tổng số tiền là 3.550.460.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
a)						
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	239.767.156.864	1.566.116.344	(238.201.040.520)	236.901.600.646	1.841.302.509	(235.060.298.137)
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>231.193.680.843</i>	<i>1.566.116.344</i>	<i>(229.627.564.499)</i>	<i>230.758.257.836</i>	<i>1.841.302.509</i>	<i>(228.916.955.327)</i>
Phải thu hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	208.297.933.845	1.566.116.344	(206.731.817.501)	207.887.510.838	1.841.302.509	(206.046.208.329)
Phải thu hoạt động cung cấp dịch vụ	21.818.318.921	-	(21.818.318.921)	21.818.318.921	-	(21.818.318.921)
Phải thu hoạt động kinh doanh bất động sản	305.957.400	-	(305.957.400)	305.957.400	-	(305.957.400)
Phải thu hoạt động xây dựng	771.470.677	-	(771.470.677)	746.470.677	-	(746.470.677)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.518.618.546	-	(2.518.618.546)	2.518.618.546	-	(2.518.618.546)
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	2.518.618.546	-	(2.518.618.546)	2.518.618.546	-	(2.518.618.546)
Tạm ứng nhân viên	3.974.823.135	-	(3.974.823.135)	2.090.183.699	-	(2.090.183.699)
Tạm ứng cho hoạt động xây dựng	2.097.447.995	-	(2.097.447.995)	2.090.183.699	-	(2.090.183.699)
Tạm ứng cho hoạt động khác	1.877.375.140	-	(1.877.375.140)	-	-	-
Phải thu khác	2.080.034.340	-	(2.080.034.340)	1.534.540.565	-	(1.534.540.565)
Lãi cho vay phải thu (Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thăng Long)	856.376.481	-	(856.376.481)	679.319.976	-	(679.319.976)
Các đối tượng khác	1.223.657.859	-	(1.223.657.859)	855.220.589	-	(855.220.589)
b)						
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	200.000.000	-	(200.000.000)	200.000.000	-	(200.000.000)
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>200.000.000</i>	-	<i>(200.000.000)</i>	<i>200.000.000</i>	-	<i>(200.000.000)</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	200.000.000	-	(200.000.000)	200.000.000	-	(200.000.000)
Cộng	239.967.156.864	1.566.116.344	(238.401.040.520)	237.101.600.646	1.841.302.509	(235.260.298.137)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công xây dựng, cung cấp dịch vụ, tạm ứng nhân viên, cho vay và các khoản phải thu khác,.. đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phát, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty còn có các khoản phải thu đã quá hạn, khó đòi chưa được xem xét trích lập dự phòng ước tính với số tiền là 6.488.029.336 VND.

7. Hàng tồn kho

Số cuối kỳ	Số đầu năm
Gia gốc Dự phòng	Gia gốc Dự phòng
96.511.864	102.945.330
157.737.629.336	140.484.203.322
128.602.057.142	127.782.747.120
29.135.572.194	12.701.456.202
26.588.994.219	26.019.618.675
953.801.694	2.102.122.975
25.635.192.525	23.917.495.700
184.423.135.419	166.606.767.327
Cộng	Cộng
Hàng hóa bất động sản (*)	Hàng hóa bất động sản (*)
Hàng hóa	Hàng hóa
Hàng hóa	Hàng hóa
Chi phí dở dang xây lắp	Chi phí dở dang xây lắp
Thành phố Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên
Dự án Khu đô thị mới	Dự án Khu đô thị mới
doanh dở dang	doanh dở dang
Nguyên vật liệu	Nguyên vật liệu
Chi phí sản xuất, kinh	Chi phí sản xuất, kinh
Hàng hóa bất động sản	Hàng hóa bất động sản
Cũ Chi	Cũ Chi
Hàng hóa bất động sản	Hàng hóa bất động sản
Long An	Long An
Hàng hóa bất động sản	Hàng hóa bất động sản
Vũng Tàu	Vũng Tàu
Hàng hóa bất động sản	Hàng hóa bất động sản
khác	khác
Cộng	Cộng
25.635.192.525	23.917.495.700

(*) Hàng hóa bất động sản thể hiện giá trị các lô đất đã mua và đầu tư với chi tiết như sau:

Hàng hóa bất động sản	6.130.274.700	-	6.130.274.700
Hàng hóa bất động sản	11.692.800.000	-	11.692.800.000
Hàng hóa bất động sản	6.094.421.000	-	6.094.421.000
khác	1.717.696.825	-	-
Cộng	25.635.192.525	-	23.917.495.700

8. Chi phí trả trước

Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước	Chi phí trả trước
Chi phí sửa chữa	Chi phí sửa chữa
Chi phí bán hàng dự án đất Hà Tiên	Chi phí bán hàng dự án đất Hà Tiên
1.803.041.381	1.751.432.306
34.412.666	2.314.489
60.124.474.356	47.663.764.749
61.961.928.403	49.417.511.544

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số đầu năm	Số cuối kỳ
4.044.808,254	4.848.057,529
341.904,962	-
3.702.903,292	4.848.057,529
53.462,319,798	66.809,985,932

b) Dài hạn

Quyền khai thác đá mỏ Trà Đước

Chi phí sửa chữa

Công

9. Phải thu về cho vay dài hạn

Số cuối kỳ	Số đầu năm
200.000.000	200.000.000
200.000.000	200.000.000
200.000.000	200.000.000

Công ty Cổ phần Xây dựng
Dân dụng và Công nghiệp Phía
Nam (*)

Công

Phải thu về cho vay dài hạn là
bên liên quan (*)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phong tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Công
---------------------------	---------------------	-----------------------	-----------------------	------

Nguyên giá

12.012.386,734	5.510,828,369	8.249,251,437	783,794,609	26,556,261,149
-	-	1.114,342,182	-	1.114,342,182
-	65,100,000	665,460,941	388,759,609	1.119,320,550
-	65,100,000	665,460,941	388,759,609	1.119,320,550

Tăng trong kỳ

Giam trong kỳ

Thanh lý,
nhường bán

Số cuối kỳ

Giá trị hao mòn lũy kế

7.325,161,961	2.310,363,369	3.941,254,238	450,720,624	14,027,500,192
395,324,580	453,670,119	363,636,114	35,686,500	1,248,317,313
-	64,867,362	665,460,941	388,759,609	1,119,087,912
-	64,867,362	665,460,941	388,759,609	1,119,087,912

Tăng trong kỳ

Khu hao
trong kỳ

Giam trong kỳ

Thanh lý,
nhường bán

Số cuối kỳ

Giá trị còn lại

4.687,224,773	3.200,465,000	4.307,997,199	333,073,985	12,528,760,957
4.291,900,193	2.746,562,243	5,058,703,267	297,387,485	12,394,553,188

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:

Số đầu năm

Số cuối kỳ

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CẢO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty đã thể chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 366.130.758 VND (tài ngày 31 tháng 12 năm 2020: 403.364.394 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang (xem Thuyết minh số V.18).

11. Thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước:

Năm trước	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	năm trước	Số cuối năm	Kỳ này	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	Số cuối kỳ	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác		Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản		Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi hợp nhất		Công		
									Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm			
28.469.610	379.144.297	28.469.610	781.074.342	379.144.297	379.144.297	3.570.477.179	3.155.091	3.952.776.567	350.674.687	2.789.402.837	3.140.077.524	-	3.155.091	812.699.043	379.144.297	3.155.091	3.952.776.567
26.962.078	406.106.375	26.962.078	1.344.623.844	406.106.375	406.106.375	3.570.477.179	3.155.091	3.952.776.567	379.144.297	2.789.402.837	3.140.077.524	-	3.155.091	812.699.043	379.144.297	3.155.091	3.952.776.567
220.531.040.550	348.401.325.406	220.531.040.550	214.165.208.209	348.401.325.406	348.401.325.406	4915.101.023	-	5.321.207.398	379.144.297	2.789.402.837	3.140.077.524	-	3.155.091	812.699.043	379.144.297	3.155.091	3.952.776.567
57.531.182.044	348.401.325.406	57.531.182.044	57.531.182.044	348.401.325.406	348.401.325.406	3.570.477.179	3.155.091	3.952.776.567	350.674.687	2.789.402.837	3.140.077.524	-	3.155.091	812.699.043	379.144.297	3.155.091	3.952.776.567
3.497.699.378	348.401.325.406	3.497.699.378	3.497.699.378	348.401.325.406	348.401.325.406	3.570.477.179	3.155.091	3.952.776.567	350.674.687	2.789.402.837	3.140.077.524	-	3.155.091	812.699.043	379.144.297	3.155.091	3.952.776.567
23.442.589.090	348.401.325.406	23.442.589.090	23.442.589.090	348.401.325.406	348.401.325.406	3.570.477.179	3.155.091	3.952.776.567	350.674.687	2.789.402.837	3.140.077.524	-	3.155.091	812.699.043	379.144.297	3.155.091	3.952.776.567
43.398.814.344	348.401.325.406	43.398.814.344	43.398.814.344	348.401.325.406	348.401.325.406	3.570.477.179	3.155.091	3.952.776.567	350.674.687	2.789.402.837	3.140.077.524	-	3.155.091	812.699.043	379.144.297	3.155.091	3.952.776.567
43.398.814.344	342.035.493.065	43.398.814.344	43.398.814.344	342.035.493.065	342.035.493.065	4915.101.023	-	5.321.207.398	350.674.687	2.789.402.837	3.140.077.524	-	3.155.091	812.699.043	379.144.297	3.155.091	3.952.776.567

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại với số tiền 348.401.325.406 VND (tài ngày 31 tháng 12 năm 2020: 342.035.493.065 VND) vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đảo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Ghi chú
2021	220.531.040.550	214.165.208.209	Lỗ tính thuế năm 2016
2022	57.531.182.044	57.531.182.044	Lỗ tính thuế năm 2017
2023	3.497.699.378	3.497.699.378	Lỗ tính thuế năm 2018
2024	23.442.589.090	23.442.589.090	Lỗ tính thuế năm 2019
2025	43.398.814.344	43.398.814.344	Lỗ tính thuế năm 2020
Cộng	348.401.325.406	342.035.493.065	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số đầu năm
Gia trị	Gia trị	Gia trị	Gia trị
Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
Phải trả hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng	19.636.634.067	23.263.263.478	23.263.263.478
Phải trả hoạt động kinh doanh bất động sản	1.397.888.000	1.397.888.000	1.397.888.000
Phải trả hoạt động xây dựng	9.206.272.053	6.905.916.738	6.905.916.738
Cộng	30.240.794.120	31.567.068.216	31.567.068.216

Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn:

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biên Tây	760.315.505	760.315.505	821.367.684
Phải trả người bán ngắn hạn khác Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Uyên Khang	15.702.169.460	15.702.169.460	13.398.684.156
Phải trả người bán ngắn hạn khác Các nhà cung cấp	760.315.505	760.315.505	821.367.684
Cộng	16.462.484.965	16.462.484.965	14.220.051.840

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số đầu năm
Gia trị	Gia trị	Gia trị	Gia trị
Người mua trả tiền trước từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	3.296.620.194	709.336.344	709.336.344
Người mua trả tiền trước từ hoạt động kinh doanh bất động sản	1.385.468.500	924.177.500	924.177.500
Cộng	362.652.571.781	232.451.638.746	232.451.638.746

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán/dịch vụ cung cấp nội địa	3.966.054.059	5.864.290.443	6.168.724.755	3.661.619.747
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(779.770.694)	-	-	(779.770.694)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.347.799.015	10.361.655.843	9.470.868.045	12.238.586.813
Thuế thu nhập cá nhân	910.503.056	4.996.628.706	2.799.331.357	3.107.800.405
Thuế phải nộp	910.503.056	4.996.628.706	2.796.972.057	3.110.159.705
Thuế phải thu	-	-	2.359.300	(2.359.300)
Thuế tài nguyên	328.353.300	2.201.829.300	2.093.701.500	436.481.100
Các loại thuế khác	166.000.835	1.127.147.035	1.072.482.425	220.665.445
Thuế môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Phi bảo vệ môi trường	166.000.835	1.113.147.035	1.058.482.425	220.665.445
Cộng	15.938.939.571	24.551.551.327	21.605.108.082	18.885.382.816

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Số đầu năm		Số cuối kỳ	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (*)	779.770.694	-	782.129.994
Nộp Nhà nước	16.718.710.265	-	19.667.512.810

15. Chi phí phải trả ngân hàng

Số đầu năm		Số cuối kỳ	
Chi phí lãi vay	22.800.778	-	28.071.957
Chi phí dự án đất Hà Tiên	131.376.245.875	-	142.119.038.394
Chi phí phải trả khác	-	-	17.158.731
Cộng	131.399.046.653	142.164.269.082	142.164.269.082

16. Doanh thu chưa thực hiện ngân hàng

Số đầu năm		Số cuối kỳ	
Thu tiền theo dự án đất Hà Tiên	133.107.619.240	125.797.593.024	432.000.000
Thu tiền theo dự án đất Rạch Giá	432.000.000	432.000.000	126.229.593.024
Cộng	133.539.619.240	126.229.593.024	126.229.593.024

17. Phải trả khác ngân hàng

Số đầu năm		Số cuối kỳ	
Ông Nguyễn Mạnh Hiếu (*)	-	-	5.128.682.180
Tổng Công ty lập máy Việt Nam	2.091.442.684	2.091.442.684	5.873.905.727
Phải trả ngân hàng khác	3.155.333.336	3.155.333.336	13.094.030.591
Cộng	5.246.776.020	5.246.776.020	13.094.030.591

Phải trả ngân hàng khác là các bên liên quan (*)

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)						
Vay ngắn hạn	19.802.466.208	19.802.466.208	35.702.479.368	(38.803.367.903)	22.903.354.743	22.903.354.743
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>19.672.470.208</i>	<i>19.672.470.208</i>	<i>35.615.815.368</i>	<i>(38.760.035.903)</i>	<i>22.816.690.743</i>	<i>22.816.690.743</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (i)	15.472.470.208	15.472.470.208	35.615.815.368	(36.360.035.903)	16.216.690.743	16.216.690.743
Vay các đối tượng khác (ii)	4.200.000.000	4.200.000.000	-	(2.400.000.000)	6.600.000.000	6.600.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>129.996.000</i>	<i>129.996.000</i>	<i>86.664.000</i>	<i>(43.332.000)</i>	<i>86.664.000</i>	<i>86.664.000</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang (iii)	129.996.000	129.996.000	86.664.000	(43.332.000)	86.664.000	86.664.000
b)						
Vay dài hạn	36.118.000	36.118.000	-	(86.664.000)	122.782.000	122.782.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang (iii)	36.118.000	36.118.000	-	(86.664.000)	122.782.000	122.782.000
Tổng cộng	19.838.584.208	19.838.584.208	35.702.479.368	(38.890.031.903)	23.026.136.743	23.026.136.743
(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/9297839/HĐTD trong tháng 5 năm 2021, hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành L/C.						
(ii) Các khoản vay ngắn hạn cá nhân có thời hạn vay trong vòng 12 tháng, lãi suất 12%/năm.						

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(iii) Tái ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số LD2013600535 ngày 15 tháng 5 năm 2020, số tiền vay là 260.000.000 VND, thời hạn là 36 tháng. Mục đích vay thanh toán chi phí mua xe bồn phục vụ kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất năm đầu tiên là 10,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi lãi suất khoản vay bằng 2,8% + lãi tiết kiệm 13 tháng. Công ty sử dụng phương tiện vận tải này để thể chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.10). Tái ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư nợ vay là 166.114.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 129.996.000 VND.

19. Dự phòng phải trả

Số đầu năm	Số cuối năm
280.000.000	-
1.895.721.486	2.030.531.874
1.895.721.486	2.030.531.874
2.175.721.486	2.030.531.874

a) Ngân hàng
 Dự phòng phải trả khác

b) Đại hàn
 Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường (i)

Cộng

(i) Đây là chi phí cải tạo môi trường theo Quyết định số 139/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 18 tháng 01 năm 2012 về việc phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác chế biến đá xây dựng mỏ đá núi Trà Duốc Lớn tại xã Bình Trị, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Năm trước	Kỳ này
577.157.089	654.484.930
164.667.841	-
654.484.930	449.484.930
(87.340.000)	(205.000.000)
654.484.930	449.484.930

Số đầu năm

Tăng do trích lập từ lợi nhuận

Chi/sử dụng trong năm/kỳ

Số cuối năm/kỳ

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm trước							
Số đầu năm	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.094.384.684)	22.399.587.678	(566.496.343.417)	7.711.045.200	(355.743.767.307)
Tăng vốn trong năm	300.000.000.000	(296.363.636)	-	-	-	-	299.703.636.364
Bản cổ phiếu quỹ	-	-	25.500.000	-	-	24.500.000	50.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	111.986.671.121	2.017.181.058	114.003.852.179
Trích lập các quỹ	-	-	-	167.961.198	(251.941.797)	(80.687.242)	(164.667.841)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(536.000.000)	(536.000.000)
Số cuối năm	400.150.690.000	81.289.274.280	(1.068.884.684)	22.567.548.876	(454.761.614.093)	9.136.039.016	57.313.053.395
Kỳ này							
Số đầu năm	400.150.690.000	81.289.274.280	(1.068.884.684)	22.567.548.876	(454.761.614.093)	9.136.039.016	57.313.053.395
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	48.893.778.131	204.105.155	49.097.883.286
Bản cổ phiếu quỹ	-	-	56.100.000	-	-	53.900.000	110.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.372.000.000)	(1.372.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	6.528.000	(6.528.000)	-
Số cuối kỳ	400.150.690.000	81.289.274.280	(1.012.784.684)	22.567.548.876	(405.861.307.963)	8.015.516.171	105.148.936.681

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	40.015.069
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	40.015.069
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	100.000
Cổ phiếu phổ thông	100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.915.069
Cổ phiếu phổ thông	39.915.069
Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.	-

22. Các khoản mục ngoại Bảng cần đối kê toàn hợp nhất

a. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

Số đầu năm	Số cuối kỳ
2.025.591.816	1.995.831.816
4.564.526.174	4.598.855.118
2.756.291.667	2.656.666.667
9.346.409.657	9.251.353.601

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Thuê mặt bằng thực hiện hàng mục Chợ đêm tại dự án Khu đô thị mới, tại khu phố 2, phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Hà Tiên theo Hợp đồng thuê số 06/HĐ-TCKH ngày 31 tháng 10 năm 2019, tổng diện tích khu đất 1.594 m², thời hạn thuê 20 năm là từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 đến ngày 01 tháng 11 năm 2039, đơn giá thuê là 199.250.000 VND/năm.
- Hợp đồng thuê văn phòng 345,82 m² tại lầu 2 số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 1 tháng 9 năm 2020, đơn giá thuê 76.000.000 VND/tháng.
- Phụ lục Hợp đồng thuê văn phòng 30m² tại lầu 2 số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 01 tháng 6 năm 2021, đơn giá thuê 3.000.000 VND/tháng.
- Hợp đồng thuê văn phòng tại lầu 6 số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê 2 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, đơn giá thuê 61.818.182 VND/tháng.

b. Ngoại tệ

Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
USD	423,47	1.258,16
Đô la Mỹ		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ
 9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.274.162.870	215.569.900.984
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.152.229.330	108.067.002.796
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	2.780.878.632	998.921.457
Doanh thu kinh doanh bất động sản	86.341.054.908	106.503.976.731
Giảm trừ doanh thu	44.700.000	41.659.090
Giảm giá hàng bán	-	5.750.000
Hàng bán bị trả lại	44.700.000	35.909.090
Cộng	175.229.462.870	215.528.241.894

Doanh thu đối với các bên liên quan
 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại Biển Tây

	6.333.558.000	6.497.568.000
--	---------------	---------------

	Kỳ này	Kỳ trước
2. Giá vốn hàng bán	71.355.643.300	91.819.894.587
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	1.088.215.245	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.670.910.768	26.412.219.307
Giá vốn kinh doanh bất động sản	71.355.643.300	91.819.894.587
Cộng	86.114.769.313	118.232.113.894

	Kỳ này	Kỳ trước
3. Doanh thu hoạt động tài chính	7.932.115.153	4.551.025.705
Lãi tiền gửi ngân hàng	533.603.790	-
Lãi bán hàng trả chậm	475.140.000	-
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	111.998	201.688.705
Doanh thu tài chính khác	7.932.115.153	4.551.025.705
Cộng	8.940.970.941	4.752.714.410

	Kỳ này	Kỳ trước
4. Chi phí tài chính	801.621.986	6.898.403.457
Chi phí lãi vay	3.866.603	-
Chi phí bán chứng khoán	(454.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh đã bán	785.394.039	1.839.844
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	220.875	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.137.103.503	6.900.243.301
Cộng	1.137.103.503	6.900.243.301

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng	
Cộng	Cộng
Chi phí nhân viên bán hàng	Chi phí nhân viên bán hàng
Chi phí dịch vụ mua ngoài	Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí bằng tiền khác	Chi phí bằng tiền khác
21.483.398.246	18.505.985.513
497.046.233	569.674.160
20.985.392.013	17.790.018.768
960.000	146.292.585
Kỳ này	Kỳ trước
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Chi phí nhân viên	Chi phí nhân viên
Chi phí đồ dùng văn phòng	Chi phí đồ dùng văn phòng
Chi phí khấu hao tài sản cố định	Chi phí khấu hao tài sản cố định
Thuế, phí, lệ phí	Thuế, phí, lệ phí
Chi phí dự phòng	Chi phí dự phòng
Chi phí dịch vụ mua ngoài	Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác bằng tiền	Chi phí khác bằng tiền
17.540.708.178	66.286.717.891
7.663.198.042	7.952.805.193
35.884.404	59.745.019
499.924.808	206.822.479
15.000.000	26.980.954
3.140.742.383	53.975.928.623
1.348.364	-
6.184.610.177	4.064.435.623
7. Lợi nhuận khác	7. Lợi nhuận khác
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
Thu tiền phát, bồi thường vì phạm hợp đồng	Thu tiền phát, bồi thường vì phạm hợp đồng
Thu nhập khác	Thu nhập khác
682.750.586	54.428.154
303.747.679	27.155.427
45.221.907	27.272.727
333.781.000	-
Chi phí thi hành án	Chi phí thi hành án
Chi phí khác	Chi phí khác
486.096.860	31.573.700
132.391.066	20.000.000
154.295.794	-
Chi phí phát thuê, vi phạm hành chính	Chi phí phát thuê, vi phạm hành chính
Chi phí thi hành án	Chi phí thi hành án
Chi phí khác	Chi phí khác
199.410.000	11.573.700
199.410.000	11.573.700
Trả tiền phạt thuê, vi phạm hành chính	Trả tiền phạt thuê, vi phạm hành chính
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
58.091.108.298	10.378.750.159
(6.640.115.960)	25.680.481
488.516.182	152.953.208
(7.128.632.142)	(127.272.727)
(6.365.832.341)	(56.173.814.423)
45.085.159.997	(45.769.383.783)
Trong đó:	Trong đó:
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản
Thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh	Thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh
thông thường	thông thường
Lỗ tính thuế từ các hoạt động kinh doanh thông thường	Lỗ tính thuế từ các hoạt động kinh doanh thông thường
-	(50.373.007.563)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ trước	Kỳ này
20%	20%
920.724.757	9.017.031.999
835.590.735	1.344.623.844
1.756.315.492	10.361.655.843

Thuế suất áp dụng

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Công: Thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu bất động sản

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với các dự án kinh doanh bất động sản chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được theo quy định.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phần bỏ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu	
Lợi nhuận kế toán sau thuế	48.893.778.131
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-
Lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	48.893.778.131
Cổ phiếu phổ thông	48.893.778.131
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	39.915.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.225

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu	
Lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	48.893.778.131
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	39.915.069
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	39.915.069

Lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	48.893.778.131
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phần bỏ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần	48.893.778.131
phổ thông	48.893.778.131
Lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phần	8.079.787.285
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	39.915.069
Ảnh hưởng của phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	9.915.069
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.079.787.285

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ
 9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
 Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	39,915,069	9,915,069
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yêu tố	1.225	815
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	593.479.933	839.027.396
Chi phí nhân công	14.063.693.671	13.695.245.861
Chi phí khấu hao	1.226.854.734	1.388.937.772
Chi phí dự phòng	3.140.742.383	53.975.928.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.007.463.186	61.637.215.849
Chi phí bằng tiền khác	10.207.781.191	8.833.065.454
Cộng	75.240.015.098	140.369.420.955

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Lãi tiền gửi phải thu	Kỳ này	Kỳ trước
Mua sắm tài sản chưa thanh toán	-	361.973.927
Chi phí lãi vay phải trả	22.800.778	6.898.403.457

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Lãi tiền gửi phải thu năm trước đã thu trong kỳ	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã thanh toán trong kỳ	2.695.973.772	546.907.206

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Trich	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phia Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biễn Tây	Công ty liên quan
Ông Nguyễn Mạnh Hiên	Cố đồng
Ông Trần Công Quý	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Kỳ này	Kỳ trước
6.484.583.455	6.497.568.000
Bản vật liệu xây dựng	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biên Tây	

Ông Nguyễn Mạnh Hiếu

Lãi vay

128.050.063	6.438.579.281
-------------	---------------

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.888.014.173	1.888.014.173
Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	

200.000.000	200.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phia Nam	

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biên Tây

Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng

Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần

Phải trả người bán ngắn hạn

705.848.800	821.367.684
1.000.000.000	1.000.000.000

Ông Nguyễn Mạnh Hiếu

Phải trả khác

-	5.128.682.180
---	---------------

Ông Trần Công Quý

Tạm ứng

20.000.000.000	20.000.000.000
----------------	----------------

Thu nhập của thành viên chủ chốt Công ty

Thu nhập của các thành viên chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

Kỳ này	Kỳ trước
1.985.040.000	1.751.000.000
Lương, thưởng và phụ cấp	
1.985.040.000	1.751.000.000
Công	

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất, Bộ phận kinh doanh, Bộ phận xây dựng và Bộ phận dịch vụ. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 4 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Bộ phận dịch vụ: Cho thuê các thiết bị xây dựng; cho thuê mỏ đá, dịch vụ Khu tiện ích - Lotteria và Coffee tại Khu Đô thị mới Hà Tiên...
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bán đất tại Khu Đô thị mới Hà Tiên, phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tại huyện Cù Chi, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An.
- Bộ phận xây dựng: Xây dựng các công trình dân dụng theo hợp đồng.

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Tổng công các phần	Loại trừ số dư giữa các bộ phận/ hợp nhất	Tổng công các bộ phận sau hợp nhất
Tài sản								
Tài sản bộ phận	71.071.319.510	69.503.225	83.258.941.457	186.433.847.228	-	340.833.611.420	(8.610.857.957)	332.222.753.463
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	479.962.719.720	479.962.719.720	-	479.962.719.720
Tổng tài sản	71.071.319.510	69.503.225	83.258.941.457	186.433.847.228	479.962.719.720	820.796.331.140	(8.610.857.957)	812.185.473.183
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	55.213.771.768	1.385.468.500	625.712.158.501	9.206.272.053	-	691.517.670.822	(8.610.857.957)	682.906.812.865
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	24.129.723.637	24.129.723.637	-	24.129.723.637
Tổng nợ phải trả	55.213.771.768	1.385.468.500	625.712.158.501	9.206.272.053	24.129.723.637	715.647.394.459	(8.610.857.957)	707.036.536.502
Số đầu năm								
Tài sản								
Tài sản bộ phận	85.836.961.867	197.931.182	233.271.235.984	24.667.081.140	-	343.973.210.173	(12.757.111.871)	331.216.098.302
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	618.602.760.263	618.602.760.263	(300.054.656.909)	318.548.103.354

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng tài sản	85.836.961.867	197.931.182	233.271.235.984	24.667.081.140	618.602.760.263	962.575.970.436	(312.811.768.780)	649.764.201.656
Kinh doanh vật liệu xây dựng	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ số dư giữa các bộ phận/ hợp nhất	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất	
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phần	39.943.233.513	924.177.500	502.283.378.708	7.185.916.738	-	550.336.706.459	(12.741.336.414)	537.595.370.045
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	54.855.778.216	54.855.778.216	-	54.855.778.216
Tổng nợ phải trả	39.943.233.513	924.177.500	502.283.378.708	7.185.916.738	54.855.778.216	605.192.484.675	(12.741.336.414)	592.451.148.261
Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:								
Kỳ này								
Doanh thu thuần của bộ phần	87.341.593.715	2.955.878.632	86.341.054.908	-	-	176.638.527.255	(1.409.064.385)	175.229.462.870
Giá vốn bộ phần	72.605.483.142	1.263.215.245	13.670.910.768	-	-	87.539.609.155	(1.424.839.842)	86.114.769.313
Lợi nhuận (lỗ) gộp bộ phần	14.736.110.573	1.692.663.387	72.670.144.140	-	-	89.098.918.100	15.775.457	89.114.693.557
Chi phí bán hang phân bổ	10.622.791.473	359.504.344	10.501.102.429	-	-	21.483.398.246	-	21.483.398.246
Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bộ	8.669.283.655	293.392.291	8.569.972.955	-	-	17.532.648.901	8.059.277	17.540.708.178

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Lợi nhuận (lỗ) gộp từ hoạt động kinh doanh phân lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(4.555.964.555)	1.039.766.752	53.599.068.756	-	-	50.082.870.953	7.716.181	50.090.587.134
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	10.554.833.955	10.554.833.955	(1.613.863.014)	8.940.970.941
Thu nhập khác	-	-	-	-	8.443.882.478	8.443.882.478	(7.306.778.975)	1.137.103.503
Chi phí khác	-	-	-	-	682.750.586	682.750.586	-	682.750.586
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(4.555.964.555)	1.039.766.752	53.599.068.756	-	2.307.605.203	52.390.476.156	5.700.632.142	58.091.108.298
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	428.100.593	-	9.933.555.250	-	-	10.361.655.843	-	10.361.655.843
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập thuế hoãn lại	(26.962.078)	-	(1.344.623.844)	-	-	(1.371.585.922)	3.155.091	(1.368.430.831)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	(4.957.103.070)	1.039.766.752	45.010.137.350	-	2.307.605.203	43.400.406.235	5.697.477.051	49.097.883.286

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ trước	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Doanh thu thuần bộ phận	109.269.446.967	2.065.751.456	106.503.976.731	-	-	217.839.175.154	(2.310.933.260)	215.528.241.894
Giá vốn bộ phận	94.130.827.847	-	26.412.219.307	-	-	120.543.047.154	(2.310.933.260)	118.232.113.894
Lợi nhuận (lỗ) gộp bộ phận	15.138.619.120	2.065.751.456	80.091.757.424	-	-	97.296.128.000	-	97.296.128.000
Chi phí bán hàng phân bổ	9.282.714.191	175.490.779	9.047.780.543	-	-	18.505.985.513	-	18.505.985.513
Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ	33.245.775.777	628.515.213	32.404.367.625	-	-	66.278.658.615	8.059.276	66.286.717.891
Lợi nhuận (lỗ) gộp từ hoạt động kinh doanh	(27.389.870.848)	1.261.745.464	38.639.609.256	-	-	12.511.483.872	(8.059.276)	12.503.424.596
Phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	4.752.714.410	4.752.714.410	-	4.752.714.410
Chi phí tài chính	-	-	-	-	6.898.403.457	6.898.403.457	1.839.844	6.900.243.301
Thu nhập khác	-	-	-	-	54.428.154	54.428.154	-	54.428.154
Chi phí khác	-	-	-	-	31.573.700	31.573.700	-	31.573.700
Lợi nhuận								

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(Số) trước thuế	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
(27.389.870.848)	1.261.745.464	38.639.609.256	-	(2.122.834.593)	10.388.649.279	(9.899.120)	10.378.750.159	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	920.724.757	-	835.590.735	-	-	1.756.315.492	-	1.756.315.492
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập thuế hoãn lại	(1.507.533)	-	(835.590.735)	-	-	(837.098.268)	-	(837.098.268)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	(28.309.088.072)	1.261.745.464	38.639.609.256	-	(2.122.834.593)	9.469.432.055	(9.899.120)	9.459.532.935

Bộ phận theo khu vực địa lý

Năm nay, Hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra ở 2 khu vực là tỉnh Kiên Giang và Thành phố Hồ Chí Minh:

- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh Kiên Giang là hoạt động sản xuất đá và kinh doanh vật liệu xây dựng của các công ty con: Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh Đá Trà Đước và Công ty TNHH MTV C N T Kiên Giang.
 - Hoạt động kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh là hoạt động kinh doanh của Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT.
- Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Kỳ này				Kỳ trước			
	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất
Tỉnh Kiên Giang	2.533.967.359	(1.155.671.362)	1.378.295.997	2.893.798.728	(916.829.999)	1.976.968.729		
Thành phố Hồ Chí Minh	174.104.559.896	(253.393.023)	173.851.166.873	214.945.376.426	(1.394.103.261)	213.551.273.165		
Cộng	176.638.527.255	(1.409.064.385)	175.229.462.870	217.839.175.154	(2.310.933.260)	215.528.241.894		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản theo khu vực địa lý					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
Số dư tài sản khu vực địa lý	Loại trừ số dư nội bộ	Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất	Số dư tài sản khu vực địa lý	Loại trừ số dư nội bộ	Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất	
Tỉnh Kiên Giang	2.124.116.271	-	2.124.116.271	2.412.952.137	-	2.412.952.137
Thành phố Hồ Chí Minh	10.270.436.917	-	10.270.436.917	10.115.808.820	-	10.115.808.820
Cộng	12.394.553.188	-	12.394.553.188	12.528.760.957	-	12.528.760.957
Tăng tài sản cố định						
	Kỳ này		Tăng tài sản		Kỳ trước	
Tăng tài sản theo khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất	Tăng tài sản theo khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất	
Tỉnh Kiên Giang	-	-	508.515.636	-	508.515.636	
Thành phố Hồ Chí Minh	1.114.342.182	-	1.114.342.182	3.556.240.021	3.556.240.021	
Cộng	1.114.342.182	-	1.114.342.182	4.064.755.657	4.064.755.657	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ
 9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quan lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.18, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, tăng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũy kế)).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Các khoản vay	19.838.584.208	23.026.136.743	
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(20.595.430.981)	(19.108.102.986)	
Nợ thuần	(756.846.773)	3.918.033.757	
Vốn chủ sở hữu	105.148.936.681	57.313.053.395	
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-1%	7%	

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Các loại công cụ tài chính

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Tài sản tài chính	Gia trị ghi sổ	Gia trị hợp lý	Gia trị ghi sổ
Tiền	20.595.430.981	20.595.430.981	19.108.102.986
Chứng khoán	-	-	1.287.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	390.000.000.000	390.000.000.000	236.500.000.000
Phái thu của khách hàng	57.688.169.912	57.688.169.912	66.764.260.050
Phái thu khác	17.631.398.174	17.631.398.174	16.955.141.325
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.388.100.000	1.429.289.989	2.173.494.039
Công cụ tài chính	487.303.099.067	487.344.289.056	342.787.998.400
Nợ phải trả tài chính	30.240.794.120	30.240.794.120	31.567.068.216
Phái trả người bán	131.399.046.653	131.399.046.653	142.164.269.082
Chi phí phải trả	31.567.068.216	31.567.068.216	31.567.068.216
	142.164.269.082	142.164.269.082	142.164.269.082

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Gia trị ghi sổ	Gia trị hợp lý	Gia trị ghi sổ	Gia trị hợp lý
3.882.166.195	3.882.166.195	6.655.191.945	6.655.191.945
Phải trả khác			
19.838.584.208	19.838.584.208	23.026.136.743	23.026.136.743
Các khoản vay			
185.360.591.176	185.360.591.176	203.412.665.986	203.412.665.986
Công			

Gia trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hàng, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2c.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện danh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện nay và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoại thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quan lý về rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro về giá cả bất động sản

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty chủ yếu là đầu tư các dự án đất tại Khu Đô thị mới Thành phố Hồ Chí Minh và tại huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: các quyền sử dụng đất do Công ty sang nhượng lại, nên phụ thuộc nhiều vào thị trường bất động sản. Trong kỳ, tình hình kinh doanh bất động sản còn sôi động, nguồn cung bất động sản thu hẹp, do hưởng hạn chế phát triển các dự án mới, tâm lý nhà đầu tư hoang mang vì nhiều dự án bị rà soát tinh pháp lý, kiện tụng, và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19,... Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn tồn kho một số dự án bất động sản với tổng giá trị 183.372.821.861 VND (tải ngày 31 tháng 12 năm 2020: 164.359.072.870 VND), trong đó dự án đất nền tại Khu Đô thị mới thành phố Hồ Chí Minh và Khu Đô thị mới Giang với giá trị 128.602.057.142 VND (tải ngày 31 tháng 12 năm 2020: 127.782.747.120 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác).

Phải thu khách hàng

Chủ yếu hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản, kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công các công trình xây dựng kéo dài, thu hồi vốn chậm. Tại ngày tiên bản vật liệu xây dựng và thi công các công trình xây dựng kế đối với công nợ phải thu khách hàng đã qua hạn thanh toán, khó đòi, Công ty đã xem xét trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu này.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng yêu từ các khoản tiền gửi này.

Phải thu về cho vay, phải thu khác

Các khoản phải thu về cho vay bao gồm các khoản Công ty cho công ty có liên quan vay tiền và các khoản phải thu khác. Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đã đánh giá trích lập dự phòng các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác qua hạn, khó đòi. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, các khoản phải thu này không có rủi ro tín dụng đáng kể.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty

Ban Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính của công nợ tài chính phi phái sinh theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
--	------------------	----------------------	------------	------

Số cuối kỳ	Tài sản tài chính	Đầu tư nắm giữ	đến ngày đảo hạn	Phải thu của khách hàng	Phải thu khác	Đầu tư góp vốn	vào đơn vị khác	Cộng
20.595.430.981	-	-	-	17.631.398.174	57.688.169.912	13.782.196.843	-	482.065.797.736
390.000.000.000	-	-	-	1.388.100.000	1.388.100.000	-	-	3.849.201.331
20.595.430.981	20.595.430.981	390.000.000.000	1.388.100.000	17.631.398.174	57.688.169.912	13.782.196.843	-	3.849.201.331
482.065.797.736	3.849.201.331	1.388.100.000	1.388.100.000	17.631.398.174	57.688.169.912	13.782.196.843	-	482.065.797.736

Nợ phải trả tài chính	Phải trả người bán	Chi phí phải trả	Phải trả khác	Các khoản vay	Cộng
30.240.794.120	30.240.794.120	131.399.046.653	3.882.166.195	19.802.466.208	185.324.473.176
30.240.794.120	30.240.794.120	131.399.046.653	3.882.166.195	19.802.466.208	185.324.473.176

Chênh lệch thanh khoản	thần
296.741.324.560	3.813.083.331
296.741.324.560	3.813.083.331

Số đầu năm	Tài sản tài chính	Tiền	Chứng khoán	kinh doanh	Đầu tư nắm giữ	đến ngày đảo hạn	Phải thu của khách hàng	Phải thu khác	Đầu tư góp vốn	vào đơn vị khác
19.108.102.986	19.108.102.986	-	-	-	1.287.000.000	236.500.000.000	66.764.260.050	12.685.221.335	4.269.919.990	-
19.108.102.986	19.108.102.986	-	-	-	1.287.000.000	236.500.000.000	66.764.260.050	12.685.221.335	4.269.919.990	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công	Trên 1 năm đến			Trên 5 năm	Công
	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm		
Nợ phải trả tài chính	31.567.068.216	-	-	-	31.567.068.216
Phải trả người bán	142.164.269.082	-	-	-	142.164.269.082
Chi phí phải trả	6.655.191.945	-	-	-	6.655.191.945
Các khoản vay	22.903.354.743	122.782.000	-	-	23.026.136.743
Công	203.289.883.986	122.782.000	-	-	203.412.665.986
Chênh lệch thanh khoản thuần	133.054.700.385	4.147.137.990	2.173.494.039	139.375.332.414	133.054.700.385

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đạo hạn.

4. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, chi tiết như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Năm trước	(Đã được trình bày trước đây)	Lại suy giảm trên cơ phiếu
202	613	815

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Tổng Giám đốc
NGUYỄN SƠN NAM



Kế toán trưởng
PHẠM THANH TUẤN

(Handwritten signature of Phạm Thanh Tuấn)

Người lập biểu
PHAN TUẤN VŨ

(Handwritten signature of Phan Tuấn Vũ)

